

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-PT
Ngày 11 – 12 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, bà Tòng Thị Hiền.

Thư ký phiên toà: Bà Quàng Hồng Nết - Thư ký Toà án tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Phạm Minh Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1- Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị B. Địa chỉ: Bản N, xã C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đàm Mạnh H. Địa chỉ: Tổ E Q, phường T, tỉnh Sơn La. (theo VB ủy quyền ngày 08/11/2023). Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Việt C, bà Cao Thị N. Địa chỉ: Tổ A, phường C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Y. Địa chỉ: P CT4aX2, Bắc Linh Đàm H, H, Thành phố Hà Nội. (theo VB ủy quyền ngày 08/1/2025). Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Bùi Thị B, bị đơn bà Cao Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Bùi Thị B trình bày:*

Do bà với vợ chồng ông Nguyễn Việt C1 và bà Cao Thị N đã quen biết và chơi thân thiết với nhau từ trước, nên ông C1 và bà N có đặt vấn đề với bà là ông bà cần tiền để mua đất để kinh doanh và chuyển nhượng. Hơn nữa, ở dưới quê ông

bà đang được Nhà nước lấy đất làm đường sẽ được bồi thường khoảng 7 đến 8 tỷ đồng. Do đó, từ ngày 07/4/2021 đến ngày 05/11/2022 (vào ngày 02/10/2022 âm lịch) bà đã cho ông Nguyễn Việt C và bà Cao Thị N vay tiền 13 lần với số tiền là: 1.823.400.000 đ (Một tỷ tám trăm hai mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Lãi suất được tính theo quy định cho vay của ngân hàng V. Thời gian “vay khi nào bà B cần thì báo trước cho gia đình”. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông C và bà N trả số tiền đã vay nhưng ông C và bà N không trả, cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Ông C và Bà N có đơn tố cáo bà với nội dung: Cho vay nặng lãi với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M. Sau đó Cơ quan CSĐT Công an huyện M tiến hành xác minh điều tra và có Thông báo số: 1139/TB-ĐCSHS ngày 08/8/2024 xác định vụ việc là tranh chấp dân sự.

Vì vậy bà tiếp tục làm đơn khởi kiện: Yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La nay là Tòa án khu vực 1 – Sơn La thụ lý giải quyết: Buộc ông Nguyễn Việt C1 và bà Cao Thị N phải trả cho bà số tiền nợ gốc là: 1.823.400.000 đ (*Một tỷ tám trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi. Bà khởi kiện theo các giấy vay tiền (13 lần) không khởi kiện giao dịch qua tài khoản ngân hàng. Cụ thể:

Lần 1: ngày 07/4/2021 âm lịch vay 500.000.000 đồng.

Lần 2: ngày 02/6/2021 âm lịch vay 60.000.000,đ.

Lần 3: ngày 15/12/2021 dương lịch vay 50.000.000 đồng.

Lần 4: ngày 27/10/2021 dương lịch vay 100.000.000 đồng.

Lần 5: ngày 29/10/2021 vay 160.000.000,đ.

Lần 6: Ngày 02/01/2022 vay 100.000.000,đ.

Lần 7: Ngày 12/9/2023 âm lịch vay 53.400 đồng. Bà không yêu cầu trả khoản tiền này.

Lần 8: Ngày 02/12/2021 âm lịch vay 100.000.000 đồng

Lần 9: Ngày 2/3/2022 âm lịch vay 100.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 22/11/2021 dương lịch vay 100.000.000 đồng.

Lần 11: Ngày 06/2/2022 vay 100.000.000 đồng.

Lần 12: Ngày 08/5/2022 âm lịch vay 100.000.000 đồng.

Lần 13: Ngày 02/10/2022 âm lịch vay 300.000.000 đồng.

Tất cả các chữ viết chữ ký trên giấy vay tiền đều do bà N viết và ký. Những phần có chữ ký của ông C1 là do bà N cầm giấy về cho ông C1 ký và sau đó cầm Giấy vay xuống lấy tiền nên bà không biết. Việc giao nhận tiền là giao tiền mặt, không có ai chứng kiến. Tổng số tiền bà yêu cầu bị đơn trả theo đơn khởi kiện là 1.823.400.000 đ (một tỷ tám trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Do sai sót trong giấy vay tiền đến nay bà yêu cầu bị đơn trả cho bà số tiền là 1.770.000.000 đ (một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi. Ngày 06/8/2025, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn về việc xin rút một phần đơn khởi kiện: Đề nghị Tòa án buộc bà Cao Thị N phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 1.570.000.000đ theo 10 Giấy vay tiền đã nộp cho Tòa án, *không yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền trên ba giấy vay tiền đề ngày 27/10/2021 (số tiền 100.000.000đ) và ngày 12/9/2023 (số tiền 54.300đ), ngày 22/11/2021 (100 triệu)*. Không yêu cầu ông Nguyễn Việt C1 có trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Cao Thị N trình bày:

Từ năm 2015 vợ chồng bà bắt đầu công việc mua lợn của người dân trên bản, sau đó chồng bà cùng 2 người thợ mổ thịt để bà bán buôn và bán lẻ tại quầy thịt của bà tại tổ D phường C, thành phố S. Năm 2019, bà B hay đến quầy bán thịt lợn bản của bà để mua thịt với số lượng lớn nên chị em thân thiết nhau. Đầu năm 2022, bà B bảo bà: “Chị cần tiền bắt lợn thì em cho chị mượn không lấy lãi, chỗ chị em với nhau khi nào em cần chị đưa em là được”. B nói vậy nên ngày 13/01/2022 bà hỏi mượn và B đã chuyển khoản cho bà mượn 40.000.000đ. Ba lần sau đó, B tự gọi điện hỏi bà và chuyển khoản cho bà. Tổng cộng 04 lần chuyển khoản là bà vay của B 179.000.000đ, không tính lãi. Sau 4 lần chuyển khoản trên bà có bảo B viết giấy mượn, nếu có lấy lãi thì nói ra để bà còn tính, nhưng B nói: “không cần viết, chỗ chị em với nhau khi nào em cần chị đưa là được”.

Đầu tháng 11/2022 và tháng 12/2022, B đã 02 lần chặn xe bà dọc đường bắt bà đến nhà B, tại đây có 03 người đàn ông đội mũ đen, đeo kính, bịt khẩu trang đợi sẵn. Một người đến dí dao vào cổ bà, ép bà làm theo hướng dẫn của B, sau đó B đọc cho bà viết nhiều giấy vay nợ, với nhiều loại bút, ghi thành nhiều ngày tháng khác nhau. Nếu không làm theo và kể cho ai biết chúng sẽ chặt chân, chặt tay con bà. Do quá sợ hãi, lo cho tính mạng của con nên bà đã làm theo và không dám nói với ai. Có giấy vay nợ bà B liên tục đe dọa và thúc ép bà tiếp tục trả lãi. Tổng cộng số tiền bà đã đưa cho B từ ngày 23/5/2022 đến 11/10/2023 là 1.137.000.000 đồng trong đó gồm 364.500.000đ chuyển khoản và 772.500.000đ đưa tiền mặt nhưng B nói chỗ đó còn chưa đủ tiền lãi nên không viết giấy nhận tiền cho bà.

Đến tháng 11/2023, anh H1 phụ trách an ninh bản có dẫn một người xưng là Trịnh Quốc C2, là người của Tòa án đến nhà và bắt vợ chồng bà trả tiền cho B thì chồng bà mới biết việc bà vay tiền của B và bà làm đơn trình báo Công an. Ngày 30/11/2023, ngày 12/3/2024 bà gửi Đơn kêu cứu đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M nhưng không nhận được phản hồi. Ngày 27/5/2024 vợ chồng bà đã gửi đơn tố cáo hành vi có dấu hiệu phạm tội cho vay lãi nặng và tội cướp tài sản của bà Bùi Thị B tới cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M. Sau quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M trả lời: Không có đủ tài liệu kết luận việc Bùi Thị B cho người dùng dao đe dọa Cao Thị N từ đó kết luận vụ việc vay mượn tiền giữa bà B và bà N có tính chất dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà N có ý kiến như sau:

(1) Tất cả nội dung bà B khai trong đơn khởi kiện và bản tự khai là hoàn toàn không có thật. Những giấy vay nợ mà B nộp lên Tòa đều là giả tạo chữ viết của chồng bà. Những giấy vay nợ bà viết là do bị đe dọa bằng dao kề vào cổ ép buộc viết chứ bà B không đưa tiền cho bà.

(2) Trong những giấy vay nợ giả tạo đó có giấy bà B đọc bà viết là ngày 02/01/2022 âm lịch vay 100 triệu. Liệu có ai cho vay tiền vào ngày mùng 2 tết âm lịch? Có giấy vay tiền ghi có 53.400, có giấy vay tiền 100 triệu vào mùng 2 tết. Tất cả các giấy B đọc bắt bà viết vào thời điểm cuối năm 2022 nhưng bà B lại để các ngày rất lung tung từ năm 2021, 2022, 2023.

(3) Trong “Danh sách vay tiền Cao Thị N và Bùi Thị B” mà bà B nộp cho Tòa án, các ngày tháng vay tiền ghi cũng không giống với các ngày tháng trong giấy

vay tiền giả tạo. Bởi các ngày đó không có thực, tất cả do bà B bịa ra nên bà B không nhớ rõ.

(4) Bà có sao kê những lần bà chuyển khoản cho B và bà B cũng công nhận bà đã chuyển trả cho bà B tổng cộng 371,5 triệu tiền tài khoản, trong đó có 7 triệu đồng là bà chuyển trả lại cho B vì đã đưa bà để lấy thịt lợn nhưng lần đó B không lấy thịt nữa nên bà chuyển khoản lại trả B 07 triệu đó. Nên bà chỉ tính số tiền bà trả bằng tài khoản cho bà B là 364,5 triệu đồng. Bà có sổ ghi chép thể hiện tất cả các ngày tháng bà đã đưa tiền cho B, trong đó có 772,5 triệu đồng tiền mặt. Từ 23/5/2022 đến 11/10/2023 tổng cộng bà đã đưa cho B 1.137.000.000 đ (Một tỉ một trăm ba mươi bảy triệu đồng), trong khi vào đầu năm 2022 bà chỉ vay B tổng cộng 179 triệu đồng, tức là B đã chiếm đoạt của bà 958.000.000 đồng. Bà không có tiền để nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố. Bà yêu cầu Toà án đối trừ số tiền bà đã chuyển khoản trả cho bà B qua tài khoản, bà chỉ vay B 179 triệu, đã trả 371,5 triệu đồng cho bà B qua tài khoản, còn lại bà đưa tiền mặt không có giấy biên nhận tiền, không có người chứng kiến.

*** Tại bản tự khai, tại phiên toà ông Nguyễn Việt C1 trình bày:** Ông không nhất trí với toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn, có 03 giấy tờ vay mượn tiền có chữ ký của ông là chữ ký giả mạo đã có kết luận giám định của cơ quan công an. Ông nhất trí với các nội dung trình bày của bà Cao Thị N.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 08/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Sơn La đã Quyết định:**

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, điều 463, điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị B, buộc bị đơn bà Cao Thị N phải trả cho bà Bùi Thị B tổng số tiền là **1.198.500.000 (một tỷ, một trăm chín mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn)**, không yêu cầu tính lãi. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị B đối với khoản tiền **200.053.400đ** trên 03 Giấy vay tiền đề ngày 27/10/2021 (số tiền 100.000.000), Giấy vay tiền đề ngày 12/9/2023 âm lịch (số tiền 53.400đ), Giấy vay tiền đề ngày 22/11/2021 (số tiền 100.000.000đ)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Ngày 09/9/2025, bà Bùi Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Không nhất trí cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận khoản bà Cao Thị N trả cho bà số tiền 371.500.000đ bằng hình thức chuyển khoản. Đề nghị cấp : sửa bản án sơ thẩm buộc bà Cao Thị N trả cho bà Bùi Thị B số tiền gốc là 1.570.000.000đ (một tỷ năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngày 16/9/2025, bà Cao Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm không đánh giá những lời khai vô lý, các tài liệu giả mạo của nguyên đơn là chứng cứ thể hiện sự gian dối của những giấy vay nợ khổng này hoàn toàn không có việc giao tiền. Không có căn cứ thể hiện việc giao tiền vay. Đề nghị : sửa bản án, tuyên vô hiệu những giấy vay nợ do không có việc giao tiền vay từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; giữ ý kiến: Việc vay là không có, giấy vay là đề hợp pháp hóa cho nặng lãi, không có việc giao tiền vay, không phải là sự thỏa thuận do 1 bên không ký, bị đơn do bị đe dọa, ép buộc; Nếu Tòa xác định có căn cứ thì đề nghị bù trừ số tiền là 371.500.000đ cho bị đơn.

- Ý kiến của ông Nguyễn Việt C: Đề nghị HĐXX công minh về giấy tờ giả để chiếm đoạt tài sản của gia đình tôi đúng pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị B và kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị N về nội dung, đề nghị:

Giữ nguyên nội dung, quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố Sơn La nay là Tòa án khu vực 1 – Sơn La đã thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị B và bị đơn bà Cao Thị N, ông Nguyễn Việt C1 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng

thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị B, bị đơn bà Cao Thị N không nhất trí với quyết định của bản án, có đơn kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo thông báo của Tòa án trong hạn luật định. Do vậy, đơn được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, vắng mặt nguyên đơn bà Bùi Thị B, Tuy nhiên đã có mặt người đại diện theo ủy quyền là đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn. Kiểm sát viên và đương sự có mặt đề nghị xét xử. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Nguyên đơn kháng cáo không chấp nhận việc khấu trừ số tiền 371.500.000 đồng đã nhận qua tài khoản ngân hàng, vì cho rằng đây là giao dịch vay khác, không liên quan đến 10 Giấy vay tiền đang tranh chấp.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Cấp sơ thẩm đã nhận định có căn cứ về việc cả hai bên đều thống nhất bà N đã chuyển khoản cho bà B số tiền 371.500.000 đồng và có sao kê ngân hàng phù hợp. Bà B thừa nhận đã nhận số tiền này nhưng lại khẳng định đây là khoản vay khác mà không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh có một giao dịch vay nợ khác với số tiền 371.500.000 đồng tồn tại độc lập. Mặt khác, thời gian bà N chuyển khoản (từ 23/5/2022 đến 11/10/2023) phù hợp với khoảng thời gian các Giấy vay nợ trong vụ kiện được lập (từ 07/4/2021 đến 26/10/2023). Việc bà N chuyển tiền cho bà B trong thời gian quan hệ vay nợ đang diễn ra, trong khi bà B không chứng minh được mục đích khác của số tiền này, xác định đây là khoản tiền bà N đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà B (trả gốc hoặc trả lãi).

Bà B yêu cầu không khấu trừ số tiền đã nhận thì phải chứng minh số tiền đó là giao dịch độc lập. Do bà B không đưa ra được chứng cứ chứng minh được có khoản vay khác, nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận trừ khoản tiền này vào nghĩa vụ trả nợ của bà N là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Do đó, kháng cáo của Nguyên đơn Bà Bùi Thị B về việc không chấp nhận khấu trừ số tiền 371.500.000 đồng là không có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị N

Bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu các Giấy vay tiền giữa bà Bùi Thị B và bà Cao Thị N. Bà N khai bị ép viết và ký nhận các Giấy vay tiền trong 02 lần vào cuối năm 2022 do bị người lạ đe dọa, dí dao vào cổ tuy nhiên, ngoài lời khai của bà N, bị đơn không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh sự việc này. Các lời khai về việc bị đe dọa, cưỡng ép là căn cứ để tuyên giao dịch vô hiệu, Bị đơn không đưa ra căn cứ chứng minh bằng tài liệu hoặc nhân chứng độc lập, khách quan.

Việc bà N tố giác hành vi đe dọa, cưỡng đoạt tài sản đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M xác minh và có Thông báo số: 1139/TB-ĐCSHS ngày 08/10/2024 kết luận “không đủ tài liệu kết luận việc Bùi Thị B cho người

dùng dao đe dọa Cao Thị N” và Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Các Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra số 02/4.11.2024 và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn số 22/13.11.2024 cũng đã bác đơn khiếu nại của bị đơn về yêu cầu xem xét về hành vi này không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm đã có công văn gửi Công an Tỉnh S, tại văn bản số 254 này 23/5/2025, trả lời về: Giám định tuổi mực là xác định thời gian xuất hiện của mực trên tài liệu, hiện phòng chưa thực hiện được nội dung này; ngoài lời khai của bà N về việc bị đe dọa, ép ký và viết 13 Giấy vay tiền trong 02 lần vào cuối năm 2022 nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để Hội đồng xem xét, nên không có căn cứ.

Cấp sơ thẩm đã căn cứ là có cơ sở pháp luật: Kết luận Giám định số: 1849/KL-KTHS xác định chữ viết, chữ ký trên 10 giấy vay tiền là của bà Cao Thị N. Giao dịch vay tiền có chữ ký của người vay, bị đơn không chứng minh được vô hiệu; tại thời điểm ký các giấy vay tiền: xác định lời nói, hành vi văn bản thể hiện mối quan hệ 2 bên đều có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; có Kết luận của công an không có căn cứ bị đơn bị ép buộc, đe dọa, nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội đối chiếu quy định điều 117, điều 119, điều 463 BLDS về giao dịch này có giá trị pháp lý.

Do đó, kháng cáo của bị đơn Bà Cao Thị N về tuyên vô hiệu các giấy vay tiền là không có căn cứ.

[3] Từ những nhận định phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị B, bị đơn bà Cao Thị N; cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 8/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Sơn La theo như Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên toà là có căn cứ.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị B, bị đơn bà Cao Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị B, bị đơn bà Cao Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Bùi Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000247 ngày 19/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Bị đơn bà Cao Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000246 ngày 19/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/12/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân Khu vực 1 - Sơn La;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GDKT, TT và THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Lan

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Mai L